

Bản án số: 50/2018/HS-PT
Ngày 24 - 9 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- B phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Anh

Các Thẩm phán: Ông Trần Đình Hiền
Ông Nguyễn Văn Biểu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Ông Vũ Đức Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Vũ Quyết T, do có kháng cáo của người đại diện bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên.

*** Bị cáo bị kháng cáo:**

Vũ Quyết T, sinh ngày 24/8/1990; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Viên chức; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Khắc B và bà Nguyễn Thị Y; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1963 (đã chết);

Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo: Bà Lê Thị S, sinh năm: 1966; Trú tại: Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện hợp pháp người bị hại: Ông Đỗ Viết Hà, sinh năm 1960 và ông Phạm Văn Huỳnh, sinh năm 1955 - Luật sư Văn phòng Luật sư Tâm Đức - Đoàn Luật sư thành Phố Hà Nội (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1995 (vắng mặt);

2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987 (có mặt);

Đều trú tại: Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Chị Nguyễn Thị D sinh năm 1989 (có mặt);

Trú tại: Số nhà 11, ngõ 12, đường G, phường G1, quận X, Thành Phố Hà Nội.

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (có mặt);

5. Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967 (có mặt);

6. Ông Vũ Khắc B, sinh năm 1970 (có mặt);
Chị L, bà Y và ông B đều trú tại: Thôn H, xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

7. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1992(có mặt);
Trú tại: Ngõ 145, phường E, quận X, Thành Phố Hà Nội.

** Người làm chứng:*

1. Anh Phan Văn N, sinh năm 1990 (vắng mặt);
Trú tại: Thôn Q, xã M1, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1954(vắng mặt);

3. Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1938(vắng mặt);

4. Anh Đặng Văn T2, sinh năm 1990(vắng mặt);

5. Anh Vũ Đăng K1, sinh năm 1990(vắng mặt);

6. Ông Vũ Văn T3, sinh năm 1960 (vắng mặt);

7. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1992 (có mặt);

8. Bà Nguyễn Thị Â, sinh năm 1934(có mặt);

Bà Â, anh K1, anh T2, chị H1, ông T2, bà U và bà T1 đều trú tại: Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Quyết T được chị Nguyễn Thị L (là vợ T) kể lại việc bà Nguyễn Thị Â là bà ngoại của T bị ông Nguyễn Văn Đ là con trai của bà Â đã chửi và đánh bà Â. T nghe nói vậy thì thấy rất bức xúc nên khoảng 16 giờ 10 phút ngày 8/4/2017, T mượn xe mô tô đến nhà bà Â mục đích để thăm và hỏi bà Â việc ông Đ đánh bà. Khi T điều khiển xe đi qua ngõ nhà ông Đ thì T nói: “*Làm con cho đúng nghĩa đạo làm con*” nhằm mục đích muốn cho ông Đ nghe thấy. Sau đó T đi vào nhà bà Â, gặp bà Â, T hỏi bà về sự việc bà bị ông Đ đánh như thế nào nhưng bà Â không nói gì và bảo T đi về nên T đi ra ngõ ngồi hút thuốc lá. Lúc này T nhìn thấy một con chuột chạy từ cổng thoát nước cạnh cổng nhà bà Â sang cổng nhà ông Đ nên T đã cầm một viên gạch chỉ nung đỏ trong sân nhà bà Â ném về phía con chuột làm viên gạch trúng vào cổng nhà ông Đ và bay vào bên trong sân nhà ông Đ. Ông Đ đang ở trong nhà thấy vậy đi ra nhìn thấy T nên nói: “*Đ. mẹ mày phá nhà tao à*”. Ông Đ vừa nói vừa cầm 1/4 viên gạch đã vỡ do T vừa ném đi ra, sợ ông Đ đánh nên T đi về phía cổng nhà bà Â thì dừng lại. Ông Đ cầm viên gạch đuổi theo và đứng đối diện với T, lúc này tay phải ông Đ cầm viên gạch giơ lên ngang đầu và nói: “*mày nói gì*” thì T dùng hai tay túm vào tay ông Đ đẩy ra. Khi đó bà Â và anh Phan Văn N là thợ chở sắt cho người dân gần đó đi ngang qua, thấy vậy nên anh N chạy vào đứng giữa ông Đ và T để can ngăn thì hai người đã dừng lại. Sau khi anh N vừa đi khỏi thì ông Đ lại cầm ¼ viên gạch đã vỡ đi về phía T, vừa chửi, ông Đ vừa lao về phía T đứng đối diện cách T khoảng 30cm rồi dùng tay trái túm và bóp mạnh vào cổ phía trước của T, còn tay phải cầm viên gạch giơ lên ngang tầm đỉnh đầu định đánh T. Bị ông Đ bóp cổ, T thấy khó chịu và sợ ông Đ sẽ dùng gạch đánh mình nên T đã dùng tay phải túm vào cổ tay trái của ông Đ, tay trái T túm vào phần bắp tay trái của ông Đ giật mạnh bàn tay trái của ông Đ rồi dùng lực đẩy người ông Đ theo chiều từ phải qua trái mục đích giật tay

ông Đ ra khỏi cỗ T làm ông Đ ngã nằm sấp mặt xuống đường bê tông. Thấy ông Đ nằm im không cử động, T nghĩ ông Đ bị choáng nên nói: “*Bác nằm mà nghĩ xem bác đối xử với bà thế nào*”, rồi T đi vào nhà bà Á lấy xe mô tô bỏ về. Đi được một đoạn, T sợ ông Đ bị thương nặng nên điều khiển xe quay lại thì thấy mọi người đã đưa ông Đ đi bệnh viện cấp cứu. Hậu quả ông Đ đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 1765 ngày 8/5/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an xác định: Tử thi Nguyễn Văn Đ tiền sử mổ ung thư tuyến giáp cách đây 1 tháng; Các vết sây sát da, tụ máu ở vùng đầu, mặt, tay và chân bên phải, tụ máu da đầu vùng trán phải; Chảy máu màng mềm lan tỏa hai bên bán cầu đại não, tiểu não và thân não; Phình, vỡ động mạch đốt sống bên trái; Phổi căng, xung huyết, màng phổi có các chấm xuất huyết rải rác, diện cắt qua nhu mô phổi có máu lẫn dịch bọt. Lòng khí phế quản xung huyết, có dịch nhầy lẫn bọt, không có dị vật; Mô bệnh học: não, tiểu não phù, chảy máu màng mềm, phổi phù, xuất huyết mạnh; xung huyết, thoái hóa các tạng; Trong mẫu phủ tạng không tìm thấy các chất độc thường gặp; Trong mẫu máu không tìm thấy Ethanol (cồn) và các chất kích thích thường gặp.

Nguyên nhân chết của ông Nguyễn Văn Đ: suy hô hấp, suy tuần hoàn do chảy máu màng mềm lan tỏa do vỡ phình động mạch đốt sống bên trái, trên người bị chấn thương phần mềm vùng đầu, mặt.

Quá trình điều tra xác định: Do trước đó ông Đ đã bị bệnh Ung thư tuyến giáp phải điều trị và cắt bỏ tuyến giáp tại Bệnh viện nội tiết Trung ương từ ngày 14/02/2017 đến ngày 21/02/2017. Do đó, nhận thấy Kết luận của Viện khoa học hình sự chưa rõ ràng nên ngày 06/7/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã có Công văn đề nghị Viện khoa học hình sự giải thích. Ngày 19/7/2017, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đã có công văn số 967 trả lời: Ông Nguyễn Văn Đ bị vỡ phình động mạch đốt sống bên trái đoạn trong hộp sọ, gần vị trí hợp thành động mạch thân nền. Ông Nguyễn Văn Đ có bệnh lý phình động mạch đốt sống bên trái, đây là điểm yếu của thành mạch có thể vỡ do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Tăng huyết áp (do uống rượu, vận huyết áp và chấn thương). Tình huống xô sát giữa ông Nguyễn Văn Đ và Vũ Quyết T có thể dẫn tới tình trạng tăng huyết áp, kết hợp với việc ông Đ bị ngã xuống đường bê tông (Dẫn đến tổn thương phần mềm vùng đầu, mặt) gây được tổn thương vỡ phình động mạch đốt sống bên trái của ông Nguyễn Văn Đ.

Chiếc xe mô tô biển số 16K3 - 9457 thuộc quyền sở hữu của anh Lê Huy H1. Ngày 09/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh H1. Anh H1 đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự, bà Lê Thị S (vợ của ông Đ) là đại diện bị hại yêu cầu T phải bồi thường cho gia đình bà tổng số tiền 834.710.000đồng là tiền chi phí mai táng cho ông Đ và tiền tổn thất về mặt tinh thần. Tuy nhiên, T không chấp nhận và yêu cầu sẽ bồi thường theo quy định của pháp luật.

Bản án số 25/2018/HS-ST ngày 08/6/2018, Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản

1 Điều 98; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự;

Xử phạt Vũ Quyết T 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Vô ý làm chết người*”. Bồi thường cho bà Lê Thị S 130.710.000đ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/6/2018, bà Lê Thị S kháng cáo toàn bộ bản án, hành vi của bị cáo là cố ý gây thương tích cho ông Nguyễn Văn Đ, đề nghị tăng hình phạt và tăng bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 60.000.000đ để bồi thường cho đại diện bị hại. Bị cáo xin lỗi bà S và gia đình.

Bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà Lê Thị S và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của bị cáo T là cố ý đối với ông Nguyễn Văn Đ dẫn tới hậu quả ông Đ bị chết, đề nghị tăng hình phạt đối với T, yêu cầu T bồi thường cho gia đình bị hại tổng số tiền 834.710.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích đánh giá các tình tiết trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại vì không có căn cứ, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lê Thị S trong thời hạn luật định là hợp pháp, nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại cũng như quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về tội danh và hình phạt:

Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn trình báo của đại diện bị hại, báo cáo vụ việc của Công an xã, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng là anh Phan Văn N và chị Lê Thị H1, biên bản khám nghiệm hiện trường, cũng như những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ 10 phút ngày 08/4/2017, Vũ Quyết T đến thăm bà ngoại là Nguyễn Thị Á tại thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên, giữa T và bác ruột là ông Nguyễn Văn Đ ở gần nhà bà Á có lời qua tiếng lại, ông Đ dùng tay trái bóp cổ T, tay phải cầm gạch dơ lên định đánh T nên T đã dùng tay phải

túm vào cổ tay trái của ông Đ, tay trái T túm vào bắp tay trái của ông Đ giật mạnh bàn tay trái của ông Đ tuột khỏi cổ T rồi đẩy ông Đ ra khỏi người T làm ông Đ ngã nằm sấp mặt xuống đường bê tông. Do ông Đ có bệnh lý phình động mạch bên trái, nên ông Đ đã tử vong trên đường đi cấp cứu.

Xét mặt khách thể của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sống của con người. Do bị ông Đ bóp vào cổ nên T đã dùng tay phải túm vào cổ tay trái của ông Đ, tay trái T túm vào phần bắp tay trái của ông Đ giật mạnh bàn tay trái của ông Đ ra khỏi cổ T, rồi dùng lực đẩy người ông Đ ra khỏi người T. Do ông Đ bóp cổ bị cáo thấy khó thở nên mục đích đẩy ông Đ ra chứ không có ý định gây tổn thương cho ông Đ. Hậu quả làm ông Đ ngã nằm sấp mặt xuống đường bê tông và khi ông Đ ngã bị cáo nghĩ ông Đ chỉ bị choáng, chứ không nghĩ tới hậu quả ông Đ bị chết.

Xét về mặt khách quan của tội phạm: Bị cáo T không biết ông Đ bị mắc bệnh Ung thư tuyến giáp phải đi phẫu thuật. Bị cáo không nghĩ rằng hành vi đẩy ông Đ của mình gây ra cái chết cho ông Đ. Ông Đ và bị cáo có quan hệ họ hàng là bác cháu ruột, giữa hai người không có mâu thuẫn, việc ông Đ ngã và chết là nằm ngoài ý thức chủ quan của bị cáo T, nên hành vi của bị cáo T chỉ là lỗi vô ý do quá tự tin. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo có đơn xin được cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương, đã xét xử bị cáo T 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Vô ý làm chết người” theo quy định tại khoản 1 Điều 98 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo T vô ý gây ra cái chết cho ông Đ, gây đau thương mất mát, tổn thất về mặt tinh thần cho gia đình bị hại. Do vậy, bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường các chi phí cứu chữa, mai táng và bù đắp tổn thất tinh thần cho những người thân thích thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các hóa đơn chứng từ gia đình bị hại xuất trình hợp pháp và căn cứ vào Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584, Điều 591, Điều 357 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Vũ Quyết T phải bồi thường cho bà Lê Thị S các chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, mai táng và bù đắp tổn thất về tinh thần cho người thân thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ là 130.710.000đ là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện cho bị hại là bà Lê Thị S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng mức bồi thường cho bà và gia đình. Xét thấy, ông Đ mất gây đau thương mất mát, tổn thất về tinh thần cho người thân và gia đình, vì vậy cần chấp nhận buộc bị cáo T bồi thường thêm một khoản tiền tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại tương ứng với 10 lần mức lương cơ sở theo quy định của Nhà nước thời điểm hiện tại. Như vậy, tổng số tiền bị cáo T phải bồi thường cho bà S là 144.610.000đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người đại diện bị hại cũng như quan điểm của Luật

sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại về tội danh cũng như hình phạt đối với bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa về tội danh, hình phạt đối với bị cáo T là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Bà Lê Thị S kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị S là người đại diện hợp pháp của bị hại.

2. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 98; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Vũ Quyết T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “*Vô ý làm chết người*”.

Giao Vũ Quyết T cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp Vũ Quyết T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1 Điều 584, Điều 591, Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Vũ Quyết T phải bồi thường cho bà Lê Thị S, sinh năm 1966; trú tại thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên các chi phí cứu chữa, mai táng và bù đắp tổn thất về tinh thần cho người thân thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ là 144.610.000đ (*Một trăm bốn mươi bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng chẵn*); đối trừ số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*) T đã nộp theo biên lai số: 006200 ngày 07-6-2018 và biên lai số: 006212 ngày 20-9-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Bị cáo T còn phải bồi thường tiếp cho bà Lê Thị S số tiền là 34.610.000đ (*Ba mươi tư triệu sáu trăm mười nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất

bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí: Bà Lê Thị S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Vũ Quyết T phải chịu 1.730.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ghi nhận bị cáo đã nộp 200.000đ tiền án phí tại biên lai thu số: 006211 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNVCS-Công an tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện K;
- TAND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THA K;
- Bị cáo Vũ Quyết T;
- Bà Lê Thị S;
- Những người có quyền lợi liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Kim Anh

